TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **70**/2026/DS-ST
Ngày: 29-6-2026
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Bà Đoàn Thị Kiều Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản, thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và đòi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 105/2026/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Biện Minh P, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau. Nay là: ấp C, xã U, tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Biện M P: Chị Phạm Thị Tú M1, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1988, đại diện theo giao dịch ủy quyền ngày 19 tháng 6 năm 2026, số 676, quyển số: 01/2026-SCT/GD (có mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã U, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 06 tháng 11 năm 1935 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị P1, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1971;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp B, xã A, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1: Anh Dương Minh B, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1975, đại diện theo giấy ủy quyền ngày 02 tháng 4 năm 2026, số công chứng: 1336/2026/CCGD (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố H, phường V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2025, các đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Biện Minh P trình bày và yêu cầu như sau*:

Vào ngày 17 tháng 10 năm 2024, anh có cho bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 vay số tiền vốn gốc là 160.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1,6%/ tháng, có làm hợp đồng vay, khi đó bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 có thế chấp cho anh 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005 QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H; sau khi vay bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 trả cho anh tiền lãi được 04 tháng, đến nay bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 không trả cho anh tiền vốn và tiền lãi đồng nào, còn nợ anh số tiền từ khi vay đến nay ngày 17 tháng 4 năm 2026 là 14 tháng tiền lãi, tổng số tiền vốn gốc và tiền lãi là 195.840.000 đồng. Nay anh yêu cầu bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 phải trả cho anh tổng số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 4 năm 2026 là 195.840.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 15 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 4 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên với mức lãi suất 1,6%/ tháng, đồng thời, khi bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 trả cho anh đủ số tiền trên, anh trả lại cho bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính), ngoài ra anh không yêu cầu gì khác.

** Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 trình bày và yêu cầu như sau*:

Chị Nguyễn Thị P1 có mối quan hệ, quen biết nhau trong việc làm ăn, tại thời điểm này chị Nguyễn Thị P1 biết anh Biện Minh P có cho vay tiền, chị Nguyễn Thị P1 cần có một số tiền vốn để làm ăn nên hỏi vay tiền anh Biện Minh P thì anh Biện Minh P nói phải có tài sản thế chấp mới cho vay tiền được, chị Nguyễn Thị P1 nói không có tài sản gì thế chấp, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản của cha mẹ chị Nguyễn Thị P1 đứng tên có vay được không; anh Biện Minh P nói là chỗ quen biết nên đồng ý cho chị Nguyễn Thị P1 vay. Khi chị Nguyễn Thị P1 lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ chị Nguyễn Thị P1 mang đến thì anh Biện Minh P đưa cho chị Nguyễn Thị P1 mẫu tờ hợp đồng vay vốn yêu cầu chị Nguyễn Thị P1 ghi theo mẫu và yêu cầu ghi tên người vay tiền là bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 cùng đứng vay của anh Biện Minh P số tiền 160.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị P1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, Tờ hợp đồng vay vốn ghi ngày 17 tháng 10 năm 2024, chị Nguyễn Thị P1 là người trực tiếp viết và ký tên, còn chữ viết và chữ ký của Nguyễn Thị H là anh Biện Minh P yêu cầu chị Nguyễn Thị P1 viết và tự ký tên, bà Nguyễn Thị H không biết, không có viết, ký tên; chị Nguyễn Thị P1 thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W377909, thửa đất số: 15, tờ bản đồ số 01, diện tích 16.839 mét vuông, tọa lạc tại: Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang (Nay là: ấp B, xã A, tỉnh An Giang) ngày 06/02/2004 của Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp cho bà Nguyễn Thị H cho anh Biện Minh P. Sau khi vay tiền, chị Nguyễn Thị P1 làm ăn gặp nhiều khó khăn, không có khả năng thanh toán, có nhiều lần đến gặp anh Biện Minh P xin trả dần tiền gốc và tiền lãi nhưng anh Biện Minh P không đồng ý. Qua khởi kiện của anh Biện Minh P yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 phải trả cho anh Biện Minh P tổng số tiền vay vốn gốc và lãi tính đến ngày 01 tháng 12 năm 2025 là 186.140.000 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong số tiền trên với mức lãi suất 1,6%/ tháng là không đúng, bà Nguyễn Thị H không có vay tiền và thế chấp tài sản, không liên quan, theo yêu cầu của anh Biện Minh P thì chị Nguyễn Thị P1 đồng ý tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi theo yêu cầu của anh Biện Minh P. Nay bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 yêu cầu huỷ bỏ toàn bộ tờ hợp đồng vay vốn lập ngày 17 tháng 10 năm 2024 giữa chị Nguyễn Thị P1 với anh Biện Minh P, chị Nguyễn Thị P1 tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật cho

anh Biện Minh P; buộc anh Biện Minh P phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W377909, thửa đất số: 15, tờ bản đồ số 01, diện tích 16.839 mét vuông, tọa lạc tại Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp B, xã A, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004 cho bà Nguyễn Thị H.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: 03 Căn cước tên Biện Minh P (Bản sao), bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 (Bản phô tô); Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 anh Biện Minh P và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1 (Bản phô tô và bản chính); Giấy xin xác nhận ngày 26 tháng 6 năm 2025 của anh Biện Minh P (Bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H (Bản phô tô và bản sao);

** Tại phiên tòa*:

Chị Phạm Thị Tú M1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Biện Minh P và nguyên đơn anh Biện Minh P xác định, khi vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H là chị Nguyễn Thị P1 giao cho anh Biện Minh P nhận, khi đó bà Nguyễn Thị H không có mặt và không có ký viết tên vay tiền, nay anh chị yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị P1 phải trả cho anh Biện Minh P tổng số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 16 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên với mức lãi suất 1,6%/ tháng, đồng thời khi nào bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 trả cho anh Biện Minh P đủ số tiền trên, thì anh Biện Minh P trả lại cho bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H (bản chính), ngoài ra anh chị không yêu cầu gì khác.

Anh Dương Minh B là người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1 tự xác định, vay tiền của anh Biện Minh P hiện nay còn nợ tổng số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 16 tháng), đồng ý trả cho anh Biện Minh P số tiền vay nói trên nhưng hẹn trả mỗi tháng 400.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền còn nợ nói trên; bà Nguyễn Thị H không có vay tiền và không thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất, buộc anh Biện Minh P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W377909, thửa đất số: 15, tờ bản đồ số 01, diện tích 16.839 mét vuông, tọa lạc tại Khu phố B, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nay là: ấp B, xã A, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện A (cũ) cấp ngày 06 tháng 02 năm 2004. Chị Nguyễn Thị P1 vay tiền của anh Biện Minh P, chị Nguyễn Thị P1 tự chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền vay gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi cho anh Biện Minh P theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp của đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của anh Biện Minh P yêu cầu buộc chị Nguyễn Thị P1 phải trả cho anh tổng số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 16 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên với mức lãi suất 1,6%/ tháng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự, đồng thời, anh Biện Minh P tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H (bản chính) theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Thị P1 nên đề nghị ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay còn nợ; bị đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay tiền và đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bị đơn cư trú tại: ấp B, xã A, tỉnh An Giang nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn biết, ấn định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền vay còn nợ và giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thì bị đơn bà Nguyễn Thị H gửi đơn yêu cầu giải quyết và xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên toà hôm nay nguyên đơn anh Biện Minh P và bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1 không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng vay tài sản giữa anh Biện Minh P và chị Nguyễn Thị P1 được xác lập thành văn bản (Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 dương lịch), ghi rõ số tiền vay, mức lãi suất tiền vay, thời hạn trả là phù hợp theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Ngoài ra, trong nội dung hợp đồng có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất nhưng không lập theo mẫu, không đăng ký thế chấp tài sản là vi phạm các quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 298 của Bộ luật dân sự và Điều 35 của Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, hợp đồng vay tài sản hợp pháp và thế chấp tài sản quyền sử dụng đất là vô hiệu.

Xét khởi kiện của nguyên đơn anh Biện Minh P yêu cầu buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P1 phải trả cho anh tổng số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng

(160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 16 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên, với mức lãi suất 1,6%/ tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng, trình bày yêu cầu của khởi kiện của anh Biện Minh P, chị Phạm Thị Tú M1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Biện Minh P, bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1 phù hợp với nhau, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 dương lịch giữa anh Biện Minh P và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1, khi đó chị Nguyễn Thị P1 vay của anh Biện Minh P tổng số tiền vốn gốc là 160.000.000 đồng, mức lãi suất 1,6%/ tháng, đến nay chị Nguyễn Thị P1 chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, chị Nguyễn Thị P1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1 cũng thừa nhận phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, anh Biện Minh P yêu cầu chị Nguyễn Thị P1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Biện Minh P số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 16 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên, với mức lãi suất 1,6%/ tháng là có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, nguyên đơn anh Biện Minh P, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều thừa nhận, khi ký kết và thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bà Nguyễn Thị H không có mặt, không viết và ký tên nên nguyên đơn anh Biện Minh P và người đại diện hợp pháp của bị đơn đều đồng ý tuyên bố Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 dương lịch giữa anh Biện Minh P và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1 vô hiệu một phần nên ghi nhận là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 298 của Bộ luật dân sự và Điều 35 của Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên chấp nhận;

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Biện Minh P, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Biện Minh P và người đại diện hợp pháp của bị đơn chị Nguyễn Thị P1 đã thống nhất số lượng tiền còn nợ, nhưng không thống nhất được thời gian và phương thức trả nên Hội đồng xét xử không thể công nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự được, buộc chị Nguyễn Thị P2 trả cho anh Biện Minh P số tiền vay còn nợ, mà khi nào bản án có hiệu lực pháp luật thi hành theo pháp luật thi hành án dân sự.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Biện Minh P, buộc chị Nguyễn Thị P1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Biện Minh P số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 15 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên, với mức lãi suất 1,6%/ tháng.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Biện Minh P và người đại diện hợp pháp của bị đơn, tuyên bố Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 dương lịch giữa anh Biện Minh P và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1 vô hiệu một phần, bà Nguyễn Thị H không chịu nghĩa vụ trả số tiền vay cho anh Biện Minh P, vì bà Nguyễn Thị H không có vay tiền và không có thế chấp quyền sử dụng đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Biện Minh P và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc anh Biện Minh P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H (Bản chính) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn chị Nguyễn Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trường hợp nguyên đơn được chấp nhận và bị đơn được chấp nhận nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 292, Điều 298, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Điều 35 của Nghị định số: 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Biện Minh P, buộc chị Nguyễn Thị P1 phải có nghĩa vụ trả cho anh Biện Minh P số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ số tiền vay vốn gốc và tiền lãi từ ngày 17 tháng 02 năm 2025 đến ngày 17 tháng 6 năm 2026 là 200.960.000 đồng (160.000.000 đồng x 1,6%/ tháng x 15 tháng) và tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 17 tháng 6 năm 2026 cho đến khi trả xong số tiền trên, với mức lãi suất 1,6%/ tháng.

2. Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Biện Minh P và người đại diện hợp pháp của bị đơn, tuyên bố Tờ hợp đồng vay vốn ngày 17 tháng 10 năm 2024 dương lịch giữa anh Biện Minh P và bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị P1 vô hiệu một phần, bà Nguyễn Thị H không chịu nghĩa vụ trả số tiền vay cho anh Biện Minh P, vì bà Nguyễn Thị H không có vay tiền và không có thế chấp quyền sử dụng đất.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Biện Minh P và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, buộc anh Biện Minh P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị H Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: W 377909, số thửa: 15, số tờ bản đồ: 1, diện tích: 16.839 mét vuông, địa chỉ: Khu V, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000005QSDĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Thị H (Bản chính) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Biện Minh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.653.500 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 300398 (Ký hiệu: BLTU/26) ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Anh Biện Minh P được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí chênh lệch là 4.353.500 đồng.

Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.048.000 đồng (200.960.000 đồng x 5%), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001513

(Ký hiệu: BLTU/26E) ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh An Giang. Chị Nguyễn Thị P1 còn phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.748.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 29 tháng 6 năm 2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 7, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo